

Số: 388/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 14 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa:

\* Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1982

Thường trú: 41G, Tổ 8, Khu phố 6, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: Ông Võ Công H, sinh năm: 1978

Thường trú: Thường trú: 41G, Tổ 8, Khu phố 6, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1982 (Địa chỉ: 41G, Tổ 8, Khu phố 6, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Võ Công H, sinh năm: 1978 (Địa chỉ: 41G, Tổ 8, Khu phố 6, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh). (Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2001).

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Võ Công H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Võ Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/11/2002, đã trưởng thành và Võ Ngọc BT, sinh ngày 01/5/2009. Giao cháu Võ Ngọc BT cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi BT đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Công H cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không ai được quyền cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Trần Thị T tự nguyện chịu. Bà T đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0106308 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên được cản trừ và hoàn tiền còn dư cho bà T là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND phường HT, Q.12, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh**